

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 8 - 2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG; TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường; ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên
tòa:** Ông Trần Quốc Anh.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Anh Phạm Phúc H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Phạm Phúc H chung sống trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, nhưng đến năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hầu như không có hạnh phúc.

Anh H thường xuyên uống rượu say xỉn về lãng mạ, chửi bới chị, thời gian gần đây anh còn đe dọa giết chị khiến chị luôn sống trong lo sợ. Nay chị không còn tình cảm với anh nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 27/7/2003 và cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 27/5/2014. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Nếu cháu A muốn ở với anh H thì chị cũng đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn là anh Phạm Phúc H trình bày:

Anh và chị L chung sống có đăng ký kết hôn và có hai con chung như chị L đã trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hầu như không có mâu thuẫn, sống hạnh phúc. Đôi khi vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng không nghiêm trọng. Cách đây một tháng, chị L có đi vay tiền nóng nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích, chị L bỏ đi hai ngày rồi về. Sau đó vợ chồng không nói chuyện với nhau cho đến nay thì chị làm đơn xin ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, anh muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi con cái.

Trong trường hợp nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2018, anh H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được lần hai.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2018 cháu Phạm Phúc A khai: Cháu là con của mẹ Trần Thị L và bố Phạm Phúc H. Khi bố mẹ ly hôn, cháu A có nguyện vọng được ở với bố Phạm Phúc H.

Tại phiên tòa ngày 13/7/2018, bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn H. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét tình cảm giữa bà L và ông H không còn. Chị L và anh H đã sống ly thân, không còn chăm lo cho gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận toàn bộ đơn ly hôn của chị L.

- Về con chung: Cháu Phạm Phúc A có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị L và anh Phạm Phúc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H uống rượu về

mắng chửi, xúc phạm chị, anh còn dọa giết chị. Nay chị L cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với anh H. Về phía anh H, anh cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng như chị L trình bày nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh thừa nhận từ tháng 4/2018, hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị L đi vay tiền nóng, chị L bỏ đi hai ngày rồi về nhưng từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau và sống ly thân nhau đến nay. Xét thấy chị L đã không còn tình cảm với anh H, hai bên tuy không thống nhất về nguyên nhân nhưng đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã sống ly thân nhau đến nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên quay về đoàn tụ nhưng không thành, Tòa án tiếp tục triệu tập anh chị nhiều lần để hàn gắn nhưng anh H cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể miễn cưỡng, ép buộc chung sống mà phải xuất phát từ sự tự nguyện của hai phía, anh chị đã sống ly thân và không thể hòa giải quay về đoàn tụ, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 27/7/2003 và cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 27/5/2014.

Anh H và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét thấy anh chị làm nghề nông, cuộc sống khó khăn, thu nhập bấp bênh nên việc nuôi cả hai con là không đảm bảo được cuộc sống cho các cháu. Mặt khác, cháu Phạm Khánh H còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao cháu cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Phạm Phúc A, cháu là con trai lại đang ở lứa tuổi vị thành niên, cháu cần có sự chia sẻ, hướng dẫn của người bố, mặt khác cháu có thể làm những việc đơn giản để tự chăm sóc bản thân và cháu có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là như nhau, mỗi bên nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên cũng như nhu cầu của các cháu.

Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên chị thuộc hộ nghèo theo Quy định của chính phủ và chị có đơn xin miễn tiền án phí do đó miễn toàn bộ tiền cho chị L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phạm Phúc H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 27/7/2003 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 27/5/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên chị thuộc hộ nghèo theo Quy định của chính phủ và chị có đơn xin miễn án phí do đó miễn toàn bộ tiền án phí 300.000 đồng cho chị L.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng